

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: **09/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 24-4-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và nghĩa vụ phát sinh trong giao
dịch dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Thuý Hà;

Ông Chu Văn Tiếp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Ngọc Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số **08/2024/QĐST-HNGĐ** ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Lưu Đông D, sinh năm 1989; địa chỉ: số A đường Đ, khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993; địa chỉ: số A đường Đ, khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần P1; địa chỉ: số G đường L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông Chu Ngọc N1, sinh năm 1990 địa chỉ: số D đường B, khối D, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Trương Tuấn H, sinh năm 1996; địa chỉ: số F đường L, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh ; vắng mặt.

(theo giấy ủy quyền số 190/2023/UQ-OCB ngày 26/12/2023 và giấy ủy quyền số 16/2023/UQ-CT.HĐQT ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lưu Đông D trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh Lưu Đông D và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 04/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và làm ăn tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn được 10 năm, đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, anh cho rằng chị Nguyễn Thị N có quan hệ với người đàn ông khác. Đến tháng 11/2023 thì chị Nguyễn Thị N bỏ nhà đi, thi thoảng có liên lạc qua điện thoại để hỏi thăm con cái còn hai vợ chồng không hỏi thăm gì nhau. Nay xác định không thể duy trì cuộc sống vợ chồng như vậy được nữa. Do vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: anh Lưu Đông D và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là cháu Lưu Thiệu P, sinh ngày 29/12/2016. Hiện tại cháu P đang học lớp 2 trường tiểu học A thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, khi ly hôn, anh Lưu Đông D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P và không yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nghĩa vụ phát sinh trong giao dịch dân sự: ngày 05/5/2021 vợ chồng anh chị vay Ngân hàng thương mại cổ phần P1, chi nhánh L số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), mục đích vay mua xe ô tô. Đã trả được một phần. Hiện nay còn nợ khoảng 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Đối với khoản vay này hiện vẫn còn trong thời hạn, thực tế anh vẫn trả nợ do vậy khi ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng và tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải cùng có trách nhiệm. Đối với các tài sản chung khác, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống ban đầu của hai vợ chồng đúng như anh Lưu Đông D trình bày. Từ khoảng tháng 11/2023 vợ chồng anh, chị có xảy ra mâu thuẫn, nên chị có đi làm, không ở nhà nữa, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh Lưu Đông D yêu cầu ly hôn, chị muốn có thêm thời gian suy nghĩ.

Về con chung: chị và anh Lưu Đông D có 01 con chung như anh Lưu Đông D trình bày. Do hiện tại bản thân chị chưa có điều kiện để nuôi dưỡng con, mặt khác muốn để cháu ổn định cuộc sống nên trong trường hợp Tòa án giải quyết vợ chồng ly hôn, chị đồng ý để anh Lưu Đông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Thiệu P, chị chỉ mong muốn được đi lại thăm nom con chung.

Về nghĩa vụ phát sinh trong giao dịch dân sự: chị cũng nhất trí tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn vấn đề nợ ngân hàng, chị cũng đồng ý để anh Lưu Đông D tự chịu trách nhiệm đối với khoản nợ.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần P1 - ông Chu Ngọc N1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai trình bày: ngày 05/5/2021 anh Lưu Đông D và chị Nguyễn Thị N đã ký hợp đồng tín dụng số 113/2021/HĐTD/OCB-CN với Ngân hàng để vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), mục đích vay mua xe ô tô, có thể chấp bằng chính chiếc xe ô tô đã mua HUYNDAI KONA 1.6 biển kiểm soát 12A-160.29. Quá trình anh Lưu Đông D trả được 155.000.000 đồng tiền gốc. Tính đến ngày 26/12/2023 anh Lưu Đông D và chị Nguyễn Thị N còn nợ 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Do hợp đồng vẫn còn thời hạn, phía anh Lưu Đông D có ý kiến với Ngân hàng là tự chịu trách nhiệm đối với phần nợ còn lại do vậy Ngân hàng đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký kết giữa các bên, tiếp tục sử dụng chiếc xe ô tô là tài sản đảm bảo cho khoản vay và anh Lưu Đông D sẽ tiếp tục trả nốt số nợ gốc còn lại của hợp đồng và lãi phát sinh.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: cề việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H1, cho anh Lưu Đông D được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Giao cháu Lưu Thiệu P, sinh ngày 29/12/2016 cho anh Lưu Đông D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Anh Lưu Đông D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ phát sinh trong giao dịch dân sự: anh Lưu Đông D có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng số 113/2021/HĐTD/OCB-CN ngày 05/5/2021 đã ký kết với Ngân hàng TMCP P1 (OCB) và tự chịu trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay này.

Về án phí: nguyên đơn anh Lưu Đông D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

– Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn anh Lưu Đông D cung cấp gồm có: đơn khởi kiện; căn cước công dân của anh D, chị N; giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh của con chung; xác nhận thông tin về cư trú; bản tự khai.

– Tài liệu chứng cứ do bị đơn chị Nguyễn Thị N cung cấp gồm có: Bản tự khai.

– Tài liệu do Ngân hàng cung cấp gồm: hợp đồng tín dụng, các giấy uỷ quyền, căn cước công dân, bản tự khai.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tuy nhiên các bên không thống nhất, thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không lý do, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần P1 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: nguyên đơn anh Lưu Đông D khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung. Bị đơn chị Nguyễn Thị N có hộ khẩu thường trú tại khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thời gian gần đây chị không cư trú thường xuyên ở địa phương nhưng không khai báo tạm vắng, quá trình giải quyết chị vẫn đến Tòa để hoà giải và không có thông tin về địa chỉ nào khác. Do đó Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nghĩa vụ phát sinh trong giao dịch dân sự” là phù hợp với quy định tại khoản 1, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Lưu Đông D và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, không thực hiện đúng tình nghĩa vợ chồng như quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, anh chị đã ly thân từ tháng 11/2023 đến nay, chị Nguyễn Thị N đề nghị có thêm thời gian để suy nghĩ tuy nhiên từ tháng 12/2023 chị không đến Tòa để giải quyết vụ việc, không đưa ra được phương án hàn gắn tình cảm do vậy yêu cầu ly hôn của anh Lưu Đông D là có cơ sở cần được chấp nhận, yêu cầu đoàn tụ của chị N là không có cơ sở.

[4] Về con chung: anh Lưu Đông D và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là cháu Lưu Thiệu P, sinh ngày 29/12/2016. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lưu Đông D và chị Nguyễn Thị N đều thống nhất ý kiến về việc nếu trong trường hợp ly hôn, anh Lưu Đông D sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Thiệu P. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị N vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Lưu Đông D về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng của cháu Lưu Thiệu P nên được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: quá trình giải quyết vụ án, anh Lưu Đông D không yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ phát sinh trong giao dịch dân sự: Ngày 05/5/2021 anh Lưu Đông D và chị Nguyễn Thị N có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần P1, chi nhánh L số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), mục đích mua xe ô tô, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, có thế chấp bằng tài sản là chiếc xe ô tô HUYNDAI KONA 1.6 biển kiểm soát 12A-160.29. Anh Lưu Đông D trả được 155.000.000 đồng tiền gốc, hiện nay còn nợ 145.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng. Đối với khoản vay này, do thời hạn hợp đồng vẫn còn, quá trình giải quyết anh Lưu Đông D có ý kiến được tiếp tục thực hiện hợp đồng và tự chịu trách nhiệm đối với số nợ gốc còn lại và lãi phát sinh, xét thấy ý kiến của nguyên đơn anh Lưu Đông D đưa ra là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, bên phía Ngân hàng và chị Nguyễn Thị N cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lưu Đông D.

[7] Về án phí: nguyên đơn anh Lưu Đông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp về nội dung của vụ án và án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 266, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Đông D. Xử cho anh Lưu Đông D được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: anh Lưu Đông D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Thiệu P, sinh ngày 29/12/2016 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lưu Thiệu P đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lưu Đông D không yêu cầu.

4. Về nghĩa vụ phát sinh trong giao dịch dân sự: anh Lưu Đông D tự chịu trách nhiệm đối với số nợ gốc còn lại và lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 theo như Hợp đồng tín dụng số 113/2021/HĐTD/OCB-CN ngày 05/5/2021 đã ký kết. Chị Nguyễn Thị N không phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay này.

Trường hợp phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí: anh Lưu Đông D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh Lưu Đông D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005560 ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Lưu Đông D có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn chị Nguyễn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần P1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHA DS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND TT Đồng Mỏ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Trương Thị Hương Giang